

Bản án số: 107/2021/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Đức Minh**

Ông Bùi Văn Bình

Thư ký phiên toà: **Bà Phạm Hồng Hà** - Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 119/2020/TLST-DS ngày 05/11/2020 về việc “***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXX-DS ngày 23/07/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HPT ngày 19/08/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HPT ngày 07/09/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q ; địa chỉ: Số B, Phường H, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Do ông Nguyễn Tiến D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đại diện theo pháp luật. *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Thiệu Ánh D1 – Chức vụ: Giám đốc - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng Q (theo Giấy ủy quyền số 23/2020/QĐUQ-CTHĐQT ngày 05/05/2020 của ông Nguyễn Tiến Dũng).

Đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn: Bà Ngô Thị N– Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng Q (theo Giấy ủy quyền số 459/2020/UQ-NCB.04 ngày 10/11/2020 của ông Thiệu Ánh Dương) (Vắng mặt)

*** Bị đơn:** 1) Ông Đinh Hồng B , sinh năm: 1982(Vắng mặt)

2) Bà Đào Thị H , sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Cùng ĐK HKTT: Tổ 13, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Nhị trình bày:**

Ngày 19/07/2017 Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Hà Nội có ký hợp đồng cho vay số 018/17/HĐCV/9341; Hợp đồng thế chấp ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày

19/07/2017 và Phụ lục bổ sung HĐTC ô tô với ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H, theo đó Ngân hàng cho ông B, bà H vay số tiền: 545.000.000 đồng; mục đích vay: Mua xe ô tô; thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên; ngày nhận nợ: 19/7/2017, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 19/07/2024;

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất thả nổi như sau:

+ Lãi xuất kỳ đầu tiên: LSV áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là: **7.99%/năm**.

+ Lãi xuất kỳ tiếp theo: Lãi xuất áp dụng đối với khoản vay của bên B cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức **LSV bằng (=) Lãi xuất cơ sở (LSCS)+ 3.8%/năm**.

Lãi xuất cơ sở (LSCS) sẽ được NCB công bố trong từng thời kỳ.

- Phương thức tính lãi:

+ Tiền lãi phải trả theo hợp đồng này được tính theo ngày, trên cơ sở năm là 360 ngày, LSV (quy định tại khoản 1 điều này), dư nợ vay, số ngày vay thực tế, kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thỏa thuận khác.

+ Nếu LSV này tính trên cơ sở 365 ngày thì LSV được xác định theo công thức sau: $\text{lãi xuất vay/năm (365 ngày)} = (\text{lãi suất vay/năm (360 ngày)} : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$.

+ Số ngày vay thực tế tối thiểu là 01 ngày.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe Cheverolet, số hiệu: Cruz, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F18D4170740287; BKS: 30E-767.61; họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày 19/07/2017. Giá trị tài sản bảo đảm thời điểm vay: 657.300.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo yêu cầu ông B và bà H trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng đều nhận được sự bất hợp tác. Hiện tại, ông B và bà H không có động thái trả nợ, không hợp tác và không bàn giao tài sản cho phía Ngân hàng mặc dù phía Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, thông báo tạo điều kiện để ông B, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả nên Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Long Biên để thu hồi nợ.

Dư nợ của ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H tạm tính đến ngày 30/09/2021 là: 822.671.433 đồng; trong đó: Nợ gốc: 525.530.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 165.492.845 đồng; nợ lãi quá hạn: 88.576.926 đồng; nợ lãi chậm trả lãi: 43.071662 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông B và bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 018/17/HĐCV/9341; Hợp đồng thế chấp ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày 19/07/2017 và Phụ lục bổ sung HĐTC tạm tính đến ngày 30/9/2021 là: 822.671.433 đồng; trong đó, trong đó: Nợ gốc: 525.530.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 165.492.845 đồng; Nợ lãi quá hạn: 88.576.926 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 43.071662 đồng.

Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi

hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho NCB, tài sản bảo đảm là: 01 xe Cheverolet, số hiệu: Cruze, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F18D4170740287; BKS: 30E-767.61; Họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B .

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Ngoài nội dung trình bày trên Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu gì thêm.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn: ông Đinh Hồng Biên và bà Đào Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến nên Tòa án không thể hòa giải cũng như làm việc với bị đơn nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

Nguyên đơn cho rằng việc bị đơn trốn tránh không đến Tòa án gây khó khăn cho nguyên đơn trong việc thu hồi nợ vì vậy nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử để Ngân hàng phát mại tài sản là 01 xe Cheverolet, số hiệu: Cruze, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F18D4170740287; BKS: 30E-767.61; họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày 19/07/2017 giữa Ngân hàng với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với các khoản nợ gốc, nợ lãi và khoản tiền lãi phạt chậm trả, những nội dung khác vẫn giữ nguyên như khởi kiện ban đầu, tính đến ngày xét xử 30/9/2021 Ngân hàng yêu cầu ông B , bà H phải trả số tiền là 844.303.518 đồng trong đó nợ gốc là 525.530.000đồng, nợ lãi trong hạn là 171.499.874đồng, nợ lãi quá hạn: 99.600.907 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 47.437.537 đồng.

Đối với chiếc xe là tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay, hiện nay chưa xem xét thẩm định được nên đề nghị Tòa án xác nhận hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, khi nào Ngân hàng quản lý được chiếc xe trên thực tế thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại để thu hồi nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Bị đơn: ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về Tổ tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q . Buộc ông B , bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 525.530.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu phần lãi phạt chậm trả lãi.

Trường hợp ông B , bà H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô xe Cheverolet, số hiệu: Cruze màu sơn đen; Số khung: RLLJA695EHH945749; Số máy: F18D4170740287; BKS: 30E-767.61; Họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp các bên đã thỏa thuận, ký kết.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì ông B , bà H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Ngô Thị Nhị đã có bản tự khai và có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H vắng mặt. Đối với ông B , bà Hiền, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song ông B , bà H vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H có hộ khẩu thường trú và hiện ở tại Tổ 13 phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội, do vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP Q có đơn khởi kiện đòi tiền theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ, do vậy quan hệ pháp luật ở đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng TMCP Q có ký 01 hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ, theo đó Ngân hàng cho vay tiền đối với ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H để mua xe ô tô, hợp đồng chưa đến hạn trả nợ cuối cùng nhưng ông B , bà H đã vi phạm kỳ hạn thanh toán, do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên vụ án không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông B , bà H như vậy Ngân hàng Q là nguyên đơn, đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Tiến Dũng –

Chủ tịch HĐQT, đại diện theo ủy quyền là ông Thiệu Ánh Dương, bà Ngô Thị Nhị. Ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H là bị đơn.

[3] Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

- Về nội dung hợp đồng: Ngày 19/07/2017, ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H và Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là: Ngân hàng Quốc Dân) ký kết hợp đồng cho vay số 018/17/HĐCV/9341; Hợp đồng thế chấp ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày 19/07/2017 và Phụ lục bổ sung HĐTC với số tiền vay là 545.000.000 đồng; mục đích vay: Mua xe ô tô; thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên; ngày nhận nợ: 19/7/2017, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 19/07/2024; Nội dung hợp đồng các bên tự nguyện ký kết, xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên về lãi suất, thời hạn trả nợ, mục đích vay, về tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay. Quá trình trả nợ ông B , bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào kỳ tháng 11/2017 nên toàn bộ số nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 27/11/2017. Việc các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, người ký hợp đồng đúng thẩm quyền, cá nhân thì có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là đúng pháp luật và có hiệu lực pháp luật. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: xe Chevrolet, số hiệu: Cruze màu sơn đen; Số khung: RLLJA695EHH945749; Số máy: F18D4170740287; BKS: 30E-767.61; Họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B . Việc thế chấp tài sản nói trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định. Việc Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu Tòa án buộc ông B , bà H phải trả cho Ngân hàng Q số tiền còn nợ cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ về “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và gửi sao kê chi tiết dư nợ tín dụng của ông B , bà H tính đến ngày 30/9/2021 cho Tòa án. Xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp về khoản tiền vay, lãi suất, về số tiền bị đơn đã trả là phù hợp với nhau. Đến nay hai bên không có tranh chấp gì về nội dung hợp đồng cũng như các thỏa thuận mà các bên đã ký kết có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Ngoài ra hợp đồng tín dụng nêu trên còn quy định về quyền trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên và nhiều nội dung khác. Hợp đồng có nội dung và các điều khoản quy định cụ thể rõ ràng. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đúng phạm vi ngành nghề và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy các hợp đồng có hiệu lực pháp luật và các bên buộc phải thực hiện.

- Về nợ gốc: Tại các bản tự khai và bảng kê chi tiết công nợ do nguyên đơn cung cấp thì nợ gốc của hợp đồng số 018/17/HĐCV/9431 ngày 19/07/2017 là 545.000.000 đồng , bị đơn đã trả 3 kỳ với tổng số tiền là 19.470.000 đồng nên nợ gốc còn lại là 525.530.000 đồng, do vậy xác định số nợ gốc buộc ông B , bà H phải trả cho Ngân hàng Q là 525.530.000đồng.

- Về lãi xuất: Đối với số nợ gốc nguyên đơn yêu cầu là 525.530.000 đồng trong đó nợ lãi trong hạn là 171.499.874đồng, nợ lãi quá hạn 99.600.907 đồng; nợ lãi chậm trả

lãi: 47.437.537 đồng và tính lãi phạt từ ngày vi phạm là ngày 25/11/2017; ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 27/11/2017.

Theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng số 018/17/HĐCV/9431 ngày 19/7/2017 quy định: “Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi xuất thả nổi như sau:

+ Lãi xuất kỳ đầu tiên: LSV áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là: **7.99%/năm**.

+ Lãi xuất kỳ tiếp theo: Lãi xuất áp dụng đối với khoản vay của bên B cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức **LSV bằng (=) Lãi xuất cơ sở (LSCS)+ 3.8%/năm**.

Lãi xuất cơ sở (LSCS) sẽ được NCB công bố trong từng thời kỳ.

- Phương thức tính lãi:

+ Tiền lãi phải trả theo hợp đồng này được tính theo ngày, trên cơ sở năm là 360 ngày, LSV (quy định tại khoản 1 điều này), dư nợ vay, số ngày vay thực tế, kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thỏa thuận khác.

+ Nếu LSV này tính trên cơ sở 365 ngày thì LSV được xác định theo công thức sau: $\text{lãi xuất vay/năm (365 ngày)} = (\text{lãi suất vay/năm (360 ngày)} : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$.

+ Số ngày vay thực tế tối thiểu là 01 ngày”.

Tại khoản 3 Điều 10 của Hợp đồng về chuyển nợ quá hạn: “Nếu Bên B bị chuyển nợ quá hạn thì phải trả cho bên A lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, được áp dụng với nợ gốc. Trong đó, số ngày chậm trả nợ gốc được tính từ ngày đến hạn trả nợ gốc đến ngày Bên B trả đủ nợ gốc”. Như vậy sau khi ký hợp đồng vay ông B đã trả được 3 kỳ nợ gốc với số tiền 6.490.000đồng $\times 3 = 19.470.000$ đồng nhưng đến ngày 25/07/2017 ông B đã không thực hiện thanh toán nợ gốc khi đến kỳ thanh toán tiếp theo được quy định tại mục 3.1 của hợp đồng. Như vậy cần phải xác định ngày 25/11/2017 ông B vi phạm ngày thanh toán nợ gốc, nên cũng theo quy định của hợp đồng là ngày 27/11/2017 nợ của ông B chuyển thành nợ quá hạn. Lãi suất quy định trong hợp đồng là 7.99%/năm. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hợp đồng.

Theo quy định tại Thông tư 39/2016 quy định: Trường hợp khoản vay nợ bị chuyển nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên phần dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng do các bên thỏa thuận nhưng không vượt qua 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn... Như vậy ngày 27/11/2017 là thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất các bên thỏa thuận là: Kỳ thứ nhất 7.99%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân; lãi xuất kỳ tiếp theo: Lãi xuất áp dụng đối với khoản vay của bên B cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức **LSV bằng (=) Lãi xuất cơ sở (LSCS)+ 3.8%/năm**; Lãi xuất cơ sở (LSCS) sẽ được NCB công bố trong từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Như vậy ông B , bà H đã thực vi phạm nghĩa vụ ở kỳ đầu tiên do vậy lãi suất quá hạn được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau....cộng biên độ tối thiểu 3.8%/năm. Theo thông báo số 08/2016/TB-TGD ngày 25/01/2016 và thông báo số 175/2019/TB-K-NHBL ngày 05/06/2019 quy định lãi suất của Ngân hàng Q do Ngân hàng cung cấp là 8.5%/năm + 3.8%/năm biên độ tối thiểu = 12.3%/năm và 9%/năm + 3.8%/năm biên độ tối thiểu = 12.8%/năm. Đây chính là mức lãi suất áp dụng

trong hạn của hợp đồng số 018/17/HĐCV/9341 ngày 19/7/2017. Cụ thể lãi suất quá hạn được tính như sau: Tiền gốc là 525.530.000 đồng x 150% (lãi suất quá hạn) x số ngày vi phạm (từ 25/11/2017 đến ngày xét xử là 30/9/2021) là 1.422 ngày (theo bảng tính lãi của Ngân hàng).

Tiền lãi của khoản vay là: lãi trong hạn là 171.499.874 đồng, lãi quá hạn 99.600.907 đồng; Đối với yêu cầu lãi phạt chậm trả và lãi phạt chậm trả gốc của Ngân hàng Q đối với hợp đồng nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Trong hợp đồng thể hiện về các khoản lãi bao gồm: Lãi trong hạn, lãi quá hạn là 150%, ông B bà H đồng ý trả khoản lãi này và được pháp luật quy định nên được chấp nhận.

Về khoản lãi chậm trả lãi: 47.437.537 đồng, Hội đồng xét xử thấy: trong hợp đồng còn quy định phạt chậm trả, phạt do vi phạm hợp đồng, đây là các điều khoản do các bên tự nguyện thỏa thuận và đã được ghi nhận trong hợp đồng, tuy nhiên căn cứ Luật tổ chức tín dụng và quyết định số 1627/2010/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng chỉ quy định hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng tiền vay, hình thức vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thỏa thuận mà không có quy định về phạt lãi chậm trả lãi, phạt vi phạm hợp đồng. Tại văn bản số 1335/NHNN-CSTT ngày 22/02/2010 về việc áp dụng lãi xuất cho vay trong phương thức cho vay trả góp, Ngân hàng nhà nước có hướng dẫn về việc phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn như sau: “Các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001; theo đó, mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không được quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời điểm cho vay”. Ngoài các quy định nói trên, không có quy định nào, kể cả quy định trong Bộ luật dân sự cho phép phạt lãi nhiều lần về cùng một vi phạm trong hợp đồng tín dụng. Do đó, sự thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Q với ông Đinh Hồng B , bà Đào Thị H về việc phạt chậm trả lãi là trái với nội dung các văn bản pháp luật đã nêu trên vì vậy yêu cầu lãi phạt chậm trả của Ngân hàng không được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H phải thanh toán trả cho Ngân hàng Q theo hợp đồng tín dụng đã ký số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử 30/9/2021 là 796.630.781 đồng. Trong đó nợ gốc là: 525.530.000 đồng; Lãi trong hạn là 171.499.874 đồng, lãi quá hạn là: 99.600.907 đồng.

Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng. Tại thời điểm thế chấp các đương sự đều xác nhận tài sản này chỉ đảm bảo cho khoản vay 545.000.000 đồng. Tài sản thế chấp này đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội ngày 19 tháng 7 năm 2017. Như vậy hợp đồng thế chấp ô tô đã được đăng ký theo đúng quy định của pháp luật, các bên phải thực hiện. Do đó trong trường hợp ông B , bà H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Buộc ông B , bà H phải trả cho Ngân hàng Q số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/09/2021 là 844.303.518 đồng trong đó nợ gốc là 525.530.000đồng, nợ lãi trong hạn là 171.499.874 đồng; nợ lãi quá hạn là 99.600.907 và phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi trả nợ xong khoản tiền gốc còn nợ cho Ngân hàng Quốc Dân.

Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho khoản tiền vay, ông B , bà H đã thế chấp chiếc xe ô tô con Cheverolet, số hiệu: Cruz, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F18D4170740287; BKS: 30E-767.61; họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B , theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày 19/07/2017 . Hợp đồng thế chấp đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, sau khi thế chấp xong, các bên đã đi đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy, hợp đồng thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trước thời điểm xét xử, Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự dịch chuyển chiếc xe đến địa điểm đã được Tòa xác định để thẩm định tài sản nhưng các bên không dịch chuyển tài sản đến nên Hội đồng xem xét thẩm định không thể xem xét thẩm định được chiếc xe đang giao cho ông B , bà H quản lý hiện ở đâu, giá trị còn lại và giá trị sử dụng thế nào. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng Q đối với chiếc xe ô tô con Cheverolet, số hiệu: Cruz, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F18D4170740287; BKS: 30E-767.61; họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B . Khi nào Ngân hàng Q có đầy đủ căn cứ xác định chiếc xe vẫn do ông B , bà H quản lý, vẫn còn giá trị sử dụng thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Q thì ông Đinh Hồng B , bà Đào Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Về án phí: Buộc ông Đinh Hồng B , bà Đào Thị H và Ngân hàng Q phải chịu án phí theo quy định tại của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;
- Căn cứ Điều 292, 295, 298, 299, 323, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ công văn số 1335/NHNN-CSTT ngày 22/02/2010 v/v: áp dụng lãi xuất cho vay trong phương thức cho vay trả góp của Ngân hàng nhà nước;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1) Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q .

2) Buộc ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 30/9/2021 là 796.630.781 đồng. Trong đó nợ gốc là: 525.530.000 đồng; Lãi trong hạn là 171.499.874 đồng, lãi quá hạn là: 99.600.907 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của số tiền nợ gốc tính từ 30/9/2021 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

3) Bác yêu cầu đòi tiền nợ lãi chậm trả lãi của Ngân hàng TMCP Q số tiền 47.437.537 đồng.

4) Xác nhận hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 018/17/HĐCV/9341; Hợp đồng thế chấp ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày 19/07/2017 giữa ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H và Ngân hàng TMCP Q có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con Cheverolet, số hiệu: Cruz, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F18D4170740287; BKS: 30E - 767.61; họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B . Khi nào Ngân hàng thương mại cổ phần Q có đầy đủ căn cứ xác định chiếc xe vẫn do ông B , bà H quản lý, vẫn còn giá trị sử dụng thì có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo quy định.

5) Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Q thì ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

6) Về án phí:

- Buộc ông Đinh Hồng B , bà Đào Thị H phải chịu 35.865.231 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Buộc Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí về số tiền 47.437.537 đồng nợ lãi chậm trả lãi không được chấp nhận là: 2.371.877 đồng. Được trừ vào số tiền 14.949.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017195 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Ngân hàng TMCP Q được nhận lại số tiền 12.577.123 đồng.

7) Quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Bị đơn: ông Đinh Hồng B và bà Đào Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật có đơn xin thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành*

án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND cùng cấp
- Cơ quan THA dân sự
- Đường sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh